TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2023/DS-PT
Ngày 07-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Bình

Các Thẩm phán: Ông Tống Văn Viên

Bà Ngô Thị Kim Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 6 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 92/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP B (L).

Địa chỉ: Số B, đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Doãn S: Ông Nguyễn Thanh P - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh T1; địa chỉ: Số B, đường N, khóm F, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh "theo Quyết định số 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20/6/2017" (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh P: Ông Lê Thanh T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B - Phòng giao dịch huyện C "theo Quyết định số 20/2021/QĐ-LienVietPostBank.CNTV tháng 01/2021" (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Lê Thị K, sinh năm 1962 (vắng mặt)

2. Ông Phan Văn K1, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Phan Thị Kim Đ, sinh năm 1985 (vắng mặt)

2. Chị Phan Thị Kim Q, sinh năm 1988 (vắng mặt)

3. Anh Phan Tấn Đ1, sinh năm 1996 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Phan Thị Kim Đ và chị Phan Thị Kim Q: Anh Phan Tấn Đ1, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh "Văn bản ủy quyền ngày 19/02/2021" (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Lê Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh T1 - Phòng G đã ký hợp đồng tín dụng số: HĐTD53B202011 ngày 13/01/2020 cho bà Lê Thị K và ông Phan Văn K1 vay số tiền 520.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi triệu đồng). Mục đích cho vay mua xe ô tô, thời hạn vay là 120 tháng, ông K1, bà K có thế chấp cho Ngân hàng là quyền sử dụng đất thửa số 1402, diện tích 430m^2, tọa lạc tại phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh để bảo đảm nợ vay theo hợp đồng thế chấp số 06/2020/HĐTC/PGDCangLong ngày 13/01/2020. Từ khi vay đến nay bà K và ông K1 chỉ thanh toán cho Ngân hàng được số tiền nợ gốc là 4.340.133 đồng, nợ gốc còn nợ lại là 515.659.867 đồng, nợ lãi phát sinh bao gồm nợ lãi quá hạn đến ngày 17/3/2023 là 69.006.225 đồng, nợ lãi trong hạn đến ngày 17/3/2023 là 152.332.649 đồng, Ngân hàng có nhiều lần đôn đốc trả nợ, nhưng bà K và ông K1 không thực hiện. Nay Ngân hàng TMCP B yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Phan Văn K1 và bà Lê Thị K phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền nợ gốc và lãi là 736.998.741 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 18/3/2023 theo hợp đồng tín dụng số HDTD53B202011 đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp nếu ông Phan Văn K1 và bà Lê Thị K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 06/2020/HĐTC/PGDCangLong ngày

13/01/2020 quyền sử dụng đất thuộc thửa số 1402, tờ bản đồ số 1, diện tích 430m^2, tọa lạc tại phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Ông Phan Văn K1 và bà Lê Thị K trình bày: Ông bà thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng và thế chấp quyền sử dụng đất theo hợp hợp đồng thế chấp Ngân hàng TMCP B đã trình bày, ông bà thừa nhận không trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thời hạn, xác định còn nợ Ngân hàng vốn gốc là 515.659.867 đồng, lãi phát sinh gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn 221.338.874 đồng ông, bà đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP B vốn và lãi 736.998.741 đồng theo yêu cầu, đối với thửa đất số 1402 đã thế chấp cho Ngân hàng ông, bà đồng ý để cho Ngân hàng phát mãi, xác định không có tài sản trên đất.

Anh Phan Tấn Đ1 là người đại diện theo ủy quyền của chị Phan Thị Kim Đ và chị Phan Thị Kim Q trình bày: Việc ba, mẹ anh vay tiền của Ngân hàng TMCP B vào ngày 13/01/2020 và thế chấp tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 1402, tờ bản đồ số 1, diện tích 430m^2, tọa lạc tại phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh cho Ngân hàng thì anh cùng hai chị của anh là chị Đ và chị Q hoàn toàn không biết vì các chị của anh khi đó đều đã có gia đình riêng còn anh thì làm tài xế không thường xuyên ở nhà, ba mẹ anh cũng không cho chị em của anh hay biết. Số tiền mà ba mẹ anh vay thì ba mẹ anh tự chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Thửa đất 1402 mà ba, mẹ anh đã thế chấp cho Ngân hàng thì các chị em của anh không đồng ý để cho Ngân hàng phát mãi để thu hồi nợ vì đây là tài sản chung của cả hộ gia đình. Anh Đ1 cùng chị Kim Đ và chị Kim Q yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng thế chấp số 06/2020/HĐTC/PGDCangLong ngày 13/01/2020. Trên thửa đất số 1402, anh Đ1 xác định không có tài sản trên đất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 102, 116, 117, 119, 122, 210, 218, 317, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B.

Buộc ông Phan Văn K1 và bà Lê Thị K trả cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/3/2023) là 736.998.741 đồng gồm nợ

gốc là 515.659.867đồng và nợ lãi phát sinh bao gồm nợ lãi quá hạn đến ngày 17/3/2023 là 69.006.225 đồng, nợ lãi trong hạn đến ngày 17/3/2023 là 152.332.649đồng.

Không chấp nhận yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng TMCP B theo hợp đồng thế chấp số 06/2020/HĐTC/PGDCangLong ngày 13/01/2020 ký giữa Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh T1 - Phòng G với ông Phan Văn K1, bà Lê Thị K trong trường hợp ông Phan Văn K1 và bà Lê Thị K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP B.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Phan Tấn Đ1, chị Phan Thị Kim Đ và chị Phan Thị Kim Q về việc yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp số 06/2020/HĐTC/PGDCangLong ngày 13/01/2020. Hủy toàn bộ hợp đồng thế chấp số 06/2020/HĐTC/PGDCangLong ngày 13/01/2020 ký giữa Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh T1 - Phòng G với ông Phan Văn K1, bà Lê Thị K. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi chậm trả, chi phí thẩm định, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/3/2023 nguyên đơn Ngân hàng TMCP B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết không chấp nhận nội dung tuyên vô hiệu hợp đồng thế chấp số 06/2020/HĐTC/PGDCangLong ngày 13/01/2020.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo, bị đơn vắng mặt lần thứ hai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ngân hàng TMCP B ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp với ông K1 và bà K cho ông bà vay 520.000.000 đồng là đúng theo quy định của pháp luật, xét về nguồn gốc tạo dựng nên thửa đất 1402 diện tích 430m^2, tọa lạc tại phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh là của ông K1 nhận chuyển nhượng từ ông Lê Bá M, mặc dù thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi chủ hộ nhưng chỉ có ông K1 đứng ra giao dịch, các thành viên trong hộ không có ủy quyền, ký tên chuyển nhượng, đứng tên quyền sử dụng đất cho ông K1, tại thời điểm chuyển nhượng anh Đ1 mới 13 tuổi, chị Kim Đ 24 tuổi, chị Kim Q 21 tuổi mặc dù có tên trong hộ khẩu nhưng các anh chị không chứng minh được việc đóng góp, tiền, công sức vào việc tạo lập thửa đất 1402, cho nên có đủ căn cứ để xác định việc ông K1 bà K nhận chuyển nhượng thửa 1402, diện tích 430m^2 từ ông Lê Bá M từ nguồn tiền

của ông K1 và bà K, hơn nữa tại thời điểm ông K1 bà K thế chấp quyền sử dụng đất vào năm 2020 thì chị Kim Đ chuyển hộ khẩu về khóm C, thị trấn C, huyện C vào ngày 28/6/2008, chị Kim Q chuyển hộ khẩu về ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 9/8/2018, anh Đ1 chuyển hộ khẩu về ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào năm 2019, tại hộ khẩu lúc thế chấp để vay tiền chỉ có ông K1 và bà K cho nên xác định bản chất thửa đất 1402 diện tích 430m^2 tài sản được hình thành là của ông K1 và bà K nên ông bà thế chấp là hợp pháp đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm, xác định hợp đồng thế chấp số 06/2020/HĐTC/PGDCangLong ngày 13/01/2020 không vô hiệu, sửa phần án phí theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Xét đơn kháng cáo của Ngân hàng TMCP B là còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Ngân hàng TMCP B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết không chấp nhận nội dung tuyên vô hiệu hợp đồng thế chấp số 06/2020/HĐTC/PGDCangLong ngày 13/01/2020. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Ông Phan Văn K1 và bà Lê Thị K thừa nhận có vay của Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh T1 - Phòng G 520.000.000 đồng để mua xe ô tô, thừa nhận có trả vốn gốc được 4.340.133 đồng, còn nợ lại vốn gốc 515.659.867 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn là 221.338.874 đồng. Ông, bà đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ngân hàng và đồng ý để cho Ngân hàng phát mãi tài sản, nên không kháng cáo.

[4] Xét tính hợp pháp đối với quyền sở hữu về tài sản đối với quyền sử dụng đất tại thửa 1402, tờ bản đồ số 1, diện tích 430m^2, tọa lạc tại phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh ông K1 nhận chuyển nhượng từ ông Lê Bá M chỉnh trang tư vào ngày 13/11/2009 cho ông Phan Văn K1 đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất, thế chấp cho Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh T1 - Phòng G tại hợp đồng thế chấp số 06/2020/HĐTC/PGDCang L ngày 13/01/2020 cấp sơ thẩm nhận định tuyên hủy hợp đồng thế chấp, nhận định với lý do đất cấp cho hộ mà các thành viên trong hộ gồm có anh Phan Tấn Đ1 chị Phan Thị Kim Đ, chị Phan Thị Kim Q không ký tên nên tuyên vô hiệu chưa xem xét một cách toàn diện, chưa có cơ sở vững chắc bởi những căn cứ sau:

[5] Ngay từ đầu khi lập thủ tục vay tiền ông K1 bà K đã có sự không trung thực cho rằng hộ khẩu gia đình bị thất lạc nên chỉ cung cấp bản photocopy trong đó gồm tên ông K1 và bà K không có tên của các con Phan Tấn Đ1, Phan Thị Kim Đ, Phan Thị Kim Q nhằm để đánh lừa Ngân hàng, phía Ngân hàng ngay tình thiếu kiểm tra lại, làm rõ tính chính xác nên chỉ căn cứ vào hộ khẩu có sao y mà xác lập hợp đồng cho vay và hợp đồng thế chấp, quá trình giải quyết Tòa án nhân dân huyện C ban hành Công văn số 06/CV-TA ngày 04/01/2022 đề nghị Công an huyện C xem xét hành vi của ông K1, bà K có dấu hiệu tội phạm. Ngày 12/7/20022, Công an huyện C có Công văn số 43/CV-ĐTTH xác định không thuộc thẩm quyền của cơ quan điều tra huyện C, tiếp đó ngày 12/7/2022 Tòa án nhân dân huyện C ban hành Công văn 218/CV-TA gửi Công an huyện C làm rõ về hành vi cung cấp hộ khẩu chỉ có tên ông K1 và bà K để vay tiền mà không có đủ tên của các thành viên trong hộ. Ngày 12/7/20022, Công an huyện C có Công văn số 281/CV-ĐTTH xác định ông K1 bà K không có dấu hiệu tội phạm nên Tòa cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án dân sự.

[6] Xét nguồn tiền để chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 11/11/2009 giữa hộ ông Lê Bá M và hộ ông Phan Văn K1 ghi theo mẫu số 37/HĐCN chỉ ghi hộ ông K1 nhưng chữ hộ đã được in sẵn, chỉ ông K1 ký tên, anh Đ1, chị Q, chị Đ, bà K không có cùng ký tên cũng không có ủy quyền cho ông K1 thay mặt hộ gia đình ký hợp đồng chuyển nhượng và đứng tên quyền sử dụng đất, điều đó cho thấy mẫu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập sẵn đều ghi chữ hộ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mẫu in sẵn đều ghi chữ hộ, như vậy về thủ tục chuyển nhượng và cấp quyền sử dụng đất cho hộ do ông K1 đại diện đứng tên quyền sử dụng đất chưa đúng theo quy định của Luật đất đai, từ đó khi ông K1 bà K thế chấp quyền sử dụng đất để vay tiền thì anh Đ1, chị Đ, chị Q cho rằng là thành viên trong hộ không có ký vào hợp đồng thế chấp nên đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng thế chấp, việc này cấp sơ thẩm chưa xem xét một cách thấu đáo bản chất sự thật để có nhận định phù hợp với pháp luật. Hơn nữa anh Đ1, chị Đ, chị Q cho rằng mình là thành viên trong hộ nhưng các anh chị không chứng minh được tại thời điểm chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã đóng góp bao nhiêu tiền, công sức tạo lập thửa đất, về phía ông K1 bà K không có xác định anh Đ1, chi Kim Đ2, chị Kim Q có đóng góp tiền, công sức vào việc chuyển nhượng đất.

[7] Tại thời điểm ông K1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông M vào năm 2009 anh Đ1 mới 13 tuổi, còn chị Kim Đ2 24 tuổi, chi Kim Quyến 21 tuổi. Tại thời điểm 13/01/2020 ông K1 và bà K vay tiền ngân hàng anh Đ1, chị Đ2, chị Q không còn là thành viên trong hộ ông K1, bà K cụ thể tại biên bản xác minh của Công an xã T (BL189) lời khai của anh Đ1 (BL 84, 85) đều xác định chị Kim Đ2 chuyển hộ khẩu về khóm C, thị trấn C, huyện C vào ngày 28/6/2008, chị Kim Q

chuyển hộ khẩu về ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 9/8/2018, anh Đ1 chuyển hộ khẩu về ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào năm 2019. Việc anh Đ1, chị Kim Đ2, chị Kim Q có đứng tên trong hộ khẩu gia đình chỉ về thủ tục quản lý hành chính nơi cư trú, thực chất công sức đóng góp tạo dựng thửa đất 1402 thì không có căn cứ để xác định, mặc dù là trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện ở Tòa án hai cấp ông K1 và bà K2 đều vắng mặt không có lý do, nhưng từ các cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như diễn biến tranh tụng tại phiên tòa anh Đ1 không chứng minh được công sức đóng góp của anh, chị Kim Đ2, chị Kim Q điều đó cho thấy quyền sử dụng đất thuộc thửa số 1402, tờ bản đồ số 1, diện tích 430m^2, tọa lạc tại phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh được hình thành từ công sức, tiền của ông K1, bà K nhận chuyển nhượng nên xác định thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông bà là hoàn toàn có căn cứ. Do đó hợp đồng thế chấp số 06/2020/HĐTC/PGDCangLong ngày 13/01/2020 không bị vô hiệu.

[8] Xét thấy ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh là phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, quy định pháp luật và nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Từ những căn cứ trên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 06/2020/HĐTC/PGDCangLong ngày 13/01/2020 vô hiệu là chưa chính xác, kháng cáo của Ngân hàng TMCP B là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm xác định hợp đồng thế chấp số 06/2020/HĐTC/PGDCangLong ngày 13/01/2020 không vô bị hiệu.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do hợp đồng thế chấp số 06/2020/HĐTC/PGDCangLong ngày 13/01/2020 không bị vô hiệu nên Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc anh Phan Tấn Đ1, chị Phan Thị Kim Đ, chị Phan Thị Kim Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP B được Tòa án chấp nhận nên Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP B.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Công nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 06/2020/HĐTC/PGDCangLong ngày 13/01/2020 của Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh T1 – Phòng G ký kết với ông Phan Văn K1 và bà Lê Thị K thế chấp thửa đất số 1402, tờ bản đồ số 1, diện tích 430m^2, tọa lạc tại phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh không bị vô hiệu.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Phan Tấn Đ1, chị Phan Thị Kim Đ và chị Phan Thị Kim Q về việc yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp số 06/2020/HĐTC/PGDCangLong ngày 13/01/2020.

Trường hợp ông Phan Văn K1 và bà Lê Thị K không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi, thì Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh T1 – Phòng G có quyền yêu cầu phát mãi tài sản để đảm bảo việc thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP B đã nộp là 13.171.804 đồng theo biên lai số 0004930 ngày 03/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Buộc anh Phan Tấn Đ1, chị Phan Thị Kim Đ, chị Phan Thị Kim Q mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0004943, 0004941, 0004942 cùng ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh. Anh Đ1, chị Đ, chị Q đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0016164 ngày 01/04/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9

của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Trịnh Hữu Bình